

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo Sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Điều dưỡng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Hoàng Long

2. Ngày tháng năm sinh: 05/01/1984 Nam Nữ Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Khu phố Đại Đình, phường Tân Hồng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 3, ngõ 47, khu phố Đại Đình, phường Tân Hồng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Viện Khoa học Sức Khỏe, Trường Đại học VinUni, Khu đô thị Ocean Park, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại di động: 0978877800;

E-mail: long.51@hotmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Quá trình công tác:

Từ 2006 đến 11/2010: Giảng viên, Bộ môn Điều dưỡng, Trường đại học Thăng Long, Hà Nội.

Từ 11/2010 đến 8/2016: Phó trưởng bộ môn Điều dưỡng, Trường đại học Thăng Long, Hà Nội.

Từ 8/2016 đến 1/2020: Phó giám đốc đào tạo Điều dưỡng, Dự án Trường Đại học Y Vinmec thuộc bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec (sau này được chuyển thành Dự án trường Đại học VinUni)

Từ 1/2020 đến nay: Trưởng bộ môn Điều dưỡng cơ sở, kiêm Giám đốc chương trình Cử nhân Điều dưỡng, Viện khoa học sức khỏe, Trường Đại học VinUni.

Các năm 2017, 2022, 2023: Nghiên cứu viên sau tiến sỹ, Khoa Điều dưỡng, Đại học Chulalongkorn Thái Lan

Chức vụ hiện nay: Trưởng bộ môn Điều dưỡng cơ sở, kiêm Giám đốc chương trình Cử nhân Điều dưỡng, Viện Khoa học sức khỏe, Trường Đại học VinUni.

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn Điều dưỡng cơ sở, Viện khoa học sức khỏe, Trường Đại học VinUni.

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Khoa học sức khỏe, Trường đại học VinUni

Địa chỉ cơ quan: Khu đô thị Vinhomes Ocean Park, Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 71089779

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Trường đại học Điều dưỡng Nam Định

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối:

9. Trình độ đào tạo:

Được cấp bằng ĐH ngày 31 tháng 7 năm 2006; số văn bằng: C791570; ngành: Điều dưỡng, Nơi cấp bằng ĐH: Trường đại học Y Hà Nội, Việt Nam

Được cấp bằng ThS ngày 2 tháng 11 năm 2010; ngành: Điều dưỡng; chuyên ngành: Điều dưỡng người lớn; Nơi cấp bằng ThS: Trường đại học Burapha, Thái Lan. Số công nhận văn bằng: 012537/CNVB-Ths do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp ngày 5/1/2017.

Được cấp bằng TS ngày 29 tháng 9 năm 2015; ngành: Điều dưỡng; Nơi cấp bằng TS: Trường đại học Chulalongkorn, Thái Lan. Số công nhận văn bằng: 012538/CNVB-TS do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp ngày 5/1/2017.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày.....tháng.....năm.....ngành:...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS cơ sở: Trường đại học Y Dược Hải Phòng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Quản lý triệu chứng và Chăm sóc giảm nhẹ: các trải nghiệm triệu chứng trên người bệnh mắc bệnh cấp tính và mạn tính, đặc biệt là người bệnh ung thư; các vấn đề liên quan tới tâm lý người bệnh trước cái chết và phương cách đánh giá/đo lường các trải nghiệm đó trên người bệnh.

Hành vi dự phòng và nâng cao sức khỏe: kiến thức và hành vi dự phòng, hành vi nâng cao sức khỏe của người chăm sóc, người mắc bệnh cấp và mạn tính.

Tính chuyên nghiệp và Cải thiện chất lượng dịch vụ Điều dưỡng: mâu thuẫn, bạo hành và bảo đảm môi trường thực hành an toàn cho điều dưỡng viên; các vấn đề về đạo đức, giao tiếp của điều dưỡng viên; thực hành dựa vào bằng chứng và cải tiến chất lượng chăm sóc tại bệnh viện.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 07 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03 cấp Cơ sở;

- Đã công bố 53 bài báo khoa học, trong đó 10 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 02 sách thuộc nhà xuất bản trong nước có uy tín và 01 chương sách thuộc nhà xuất bản có uy tín nước ngoài;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a. Về tiêu chuẩn nhà giáo: đạt yêu cầu

Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo theo yêu cầu của Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học. Có phẩm chất, tư tưởng tốt; yêu nghề và đam mê giảng dạy; luôn nêu cao tinh thần gương mẫu và tuân thủ các yêu cầu về tư cách đạo đức của nhà giáo. Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu chuẩn chức danh, vị trí nghề nghiệp. Thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn.

b. Về việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà giáo

Giảng dạy (đại học, sau đại học và đào tạo liên tục): đạt yêu cầu

Thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, đặc biệt với thế mạnh là các môn mang tính cơ sở, lý luận ngành điều dưỡng cho đa dạng các đối tượng sinh viên từ chính quy, vừa làm vừa học, thạc sỹ và tiến sỹ. Hàng năm đều thực hiện giảng dạy vượt giờ chuẩn theo định mức quy định.

Ở trình độ đại học, trong giai đoạn 2006 đến 2016 trực tiếp phụ trách các học phần Điều dưỡng cơ bản, Điều dưỡng Ngoại khoa, Phương pháp nghiên cứu khoa học, Điều dưỡng cộng đồng và Chuyên đề tốt nghiệp cho sinh viên điều dưỡng đại học, cả hệ chính quy và vừa làm vừa học. Trong 3 năm trở lại đây, trực tiếp phụ trách và giảng dạy các học phần về Tâm lý và Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng, Phương pháp nghiên cứu, Đạo đức Y học cho sinh viên Điều dưỡng đại học hệ chính quy.

Ở trình độ sau đại học, tham gia giảng dạy cho các đối tượng thạc sỹ Điều dưỡng, chuyên khoa I Điều dưỡng, Tiến sỹ Điều dưỡng ở các học phần về Học thuyết Điều dưỡng, Thực hành Điều dưỡng nâng cao, Nghiên cứu khoa học, Quản lý Điều dưỡng, Phương pháp giảng dạy.

Với các khoá đào tạo liên tục, chủ trì xây dựng chương trình và trực tiếp giảng dạy các khoá đào tạo liên tục phát triển giảng viên (TOT) về Phương pháp giảng dạy mô phỏng, phát triển giảng viên (TOT) về Phương pháp Giảng dạy lâm sàng, Kỹ năng giao tiếp cho nhân viên y tế, Quản lý và lãnh đạo trong thực hành Điều dưỡng triển khai tại trường đại học VinUni cũng như tại Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec.

Chủ trì xây dựng Chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng đại học tại đại học VinUni, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đào tạo theo chuẩn quốc tế và trong nước, đã được Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép mở ngành thực hiện đào tạo (năm 2020).

Nghiên cứu khoa học: đạt yêu cầu

Đã hướng dẫn chính 6 và hướng dẫn phụ 1 thạc sỹ điều dưỡng bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp.

Đã thực hiện 03 đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu.

Đã chủ biên 02 sách tham khảo, biên soạn 01 chương sách và công bố 53 bài báo khoa học. Trong đó có 10 bài báo trên các tạp chí uy tín thế giới (7 bài báo là tác giả chính). 33/53 bài báo được công bố trong vòng 3 năm học trở lại đây (2020-2023).

Nhiệm vụ kiêm nhiệm khác: Đạt yêu cầu

Trong giai đoạn 8/2006-8/2016: là giảng viên kiêm giáo vụ của bộ môn Điều dưỡng, sau đó được phân công là phó trưởng bộ môn phụ trách chung các hoạt động đào tạo Điều dưỡng (Chính quy và Vừa làm vừa học) trong khoa Khoa học sức khỏe của trường đại học Thăng Long.

Trong giai đoạn 8/2016-1/2020: Là phó giám đốc đào tạo điều dưỡng dự án Đại học Y Vinmec, sau đó được chuyển sang sát nhập với Dự án Trường Đại học VinUni (cùng thuộc tập đoàn Vingroup). Trong giai đoạn này, tôi chịu trách nhiệm chủ trì việc xây dựng chương trình đào tạo và đề án mở ngành cử nhân Điều dưỡng của trường Đại học VinUni, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Đồng thời, tôi cũng là giảng viên thỉnh giảng của Trường đại học Điều dưỡng Nam Định, tham

gia giảng dạy ở các học phần sau đại học cho đối tượng Thạc sỹ Điều dưỡng và Điều dưỡng chuyên khoa 1.

Trong giai đoạn 1/2020 – nay: Là Trưởng bộ môn Điều dưỡng cơ sở, kiêm Giám đốc chương trình cử nhân Điều dưỡng thuộc Viện Khoa học sức khỏe, Trường Đại học VinUni. Trong giai đoạn này, tôi chịu trách nhiệm chính cho các hoạt động xây dựng chương trình, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo của chương trình cử nhân Điều dưỡng tại VinUni, bao gồm xây dựng kế hoạch và triển khai đào tạo, tuyển sinh, hợp tác quốc tế, tuyển dụng và đào tạo giảng viên, nghiên cứu khoa học, thực hành lâm sàng và trải nghiệm sinh viên, kiểm định chất lượng, cơ sở vật chất và học liệu...

Tham gia phản biện bài báo cho các tạp chí Điều dưỡng Việt Nam, Khoa học Điều dưỡng, Sage Open Nursing. Chủ trì, tham gia nhiều hội đồng nghiệm thu chương trình đào tạo đại học và sau đại học, sách tham khảo, giáo trình, luận văn, luận án tại các trường đại học Y Hà Nội, Đại học Y Dược Thái Nguyên, Đại học Phenikaa, Đại học Đại Nam, Đại học Thành Đông, Đại học Điều dưỡng Nam Định, Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 17 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015					301		301/301/230 ⁽¹⁾
2	2015-2016					484		484/484/230 ⁽¹⁾
3	2017-2018			3		0	0	0/210/270 ⁽²⁾
4	2018-2019			3		0	0	0/210/270 ⁽²⁾

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
5	2019-2020			1		0	210	210/457/270 ⁽²⁾
03 năm học cuối								
6	2020-2021					0	240	240/372/270 ⁽²⁾
						160	0	160/288/160 ⁽³⁾
7	2021-2022					0	240	240/375/270 ⁽²⁾
						170	0	170/306/160 ⁽³⁾
8	2022-2023					165	0	165/297/160 ⁽³⁾

Ghi chú: (1) giờ giảng tại Trường ĐH Thăng Long (GV cơ hữu)

Ghi chú: (2) giờ giảng tại Trường ĐH Điều Dưỡng Nam Định (GV thỉnh giảng)

Ghi chú: (3) giờ giảng tại Trường Đại học VinUni (GV cơ hữu), chức danh Trưởng bộ môn.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn ThS và luận án TS tại Thái Lan vào các năm 2010 (thạc sỹ) và 2015 (tiến sỹ) – Chương trình học bằng tiếng Anh.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học VinUni, Việt Nam

Tham gia giảng dạy chính các học phần Tâm lý và Kỹ năng giao tiếp (Psychology and Communication Skills in Nursing Practice), Đạo đức y học (Healthcare Ethics), Nghiên cứu Điều dưỡng (Nursing research) cho sinh viên đại học chính quy ngành Điều dưỡng.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK 2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSN T	Chính	Phụ			
1	La Văn Luân		x	x		2017–2018	Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định	15/3/2018
2	Lê Thị Vân		x	x		2017- 2018	Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định	15/3/2018
3	Phan Lê Hằng		x		x	2017–2018	Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định	15/3/2018
4	Phạm Thị Sáng		x	x		2018–2019	Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định	14/12/2019
5	Nguyễn Thị Hoài		x	x		2018-2019	Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định	14/12/2019

6	Phạm Thị Vân Anh		x	x		2018-2019	Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định	14/12/2019
7	Nguyễn Bích Hằng		x	x		2019–2020	Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định	28/12/2020

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách	NXB và năm XB	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Công cụ đo lường trong nghiên cứu Điều dưỡng và Khoa học sức khoẻ	TK	NXB Y học, 2021	01	Chủ biên	Viết toàn bộ	Trường Đại học VinUni, Quyết định số 93/QĐ-VUNI ngày 9/6/2021
2	Kỹ năng giao tiếp cơ bản cho nhân viên y tế	TK	NXB Y học, 2022	05	Chủ biên	Viết 1 trong 5 bài, từ trang 7 tới trang 22	Trường Đại học VinUni, Quyết định số 214/QĐ-VUNI ngày 19/5/2022

3	At the End of Life: Health, Death and Cultural Practices	TK	Springer Nature Switzerland AG, 2023	01	Viết toàn bộ chương	Link đến chương sách	Trong sách: Liamputtong (ed.), Handbook of Social Sciences and Global Public Health, Doi: https://doi.org/10.1007/978-3-030-96778-9_135-1
---	--	----	--------------------------------------	----	---------------------	--------------------------------------	---

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 01 (số 3)

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu khả năng ứng dụng thang điểm hành vi đau Behavioral Pain Scale để đánh giá đau trên bệnh nhân chấn thương sọ não	CN	Đề tài cấp cơ sở - Trường Đại học Thăng Long	1/2015 – 12/2015	10/1/2016 Xếp loại Xuất sắc
II	Sau khi được công nhận TS				
2	Kết quả của liệu pháp làm lạnh khoang miệng	CN	Đề tài cấp cơ sở -	3/2015 – 3/2016	22/9/2016 Xếp loại Khá

	hạn chế loét miệng trên bệnh nhân ung thư trong thời gian hoá trị		Trường Đại học Thăng Long		
3	Workplace conflicts and conflict management among nurses in selected Vietnamese healthcare institutions	CN	Đề tài cấp cơ sở - Trường Đại học VinUni	1/2021-4/2022	8/4/2022 Xếp loại Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
II	Sau khi được công nhận TS							
Hướng nghiên cứu 1: Quản lý chiệu trùng và Chăm sóc giảm nhẹ								
1	A validation of the Cancer Dyspnea Scale in Vietnamese persons with lung cancer	3	x	Journal of Health Research (ISSN: 0857-4421)	ISI IF:N/A		Tập 30, số 3, trang 173-181 Link đến bài báo	2016

2	Thử nghiệm thang đo Pain Behavioral Scale để đánh giá đau trên bệnh nhân chấn thương sọ não	2	x	Y Học Thực Hành (ISSN:1859-1663)			Số 1005, trang 236-241	2016
3	A causal model for fatigue in lung cancer patients undergoing chemotherapy	3	x	European Journal of Oncology Nursing (ISSN: 1462-3889)	ISI (Q1) IF: 2,58		Tập 21, trang 242-247 Link đến bài báo	2016
4	Symptom experience and symptom clusters during the first three days after abdominal surgery	1	x	Vietnam Journal of Medicine and Pharmacy (ISSN: 0866-7942)			Tập 11, số 2, trang 68-75	2016
5	Hiệu quả dự phòng loét miệng trên bệnh nhân ung thư hoá trị của liệu pháp làm lạnh khoang miệng	2	x	Y Học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 452, số chuyên đề tháng 3, trang 198-202	2017
6	Đánh giá tình trạng mất ngủ trên bệnh nhân ung thư	3		Y Học Thực Hành (ISSN:1859-1663)			Số 6 (1072), trang 21-23	2018
7	Kiến thức, thái độ và một số yếu tố liên quan đến quản lý đau cho người bệnh của Điều	2		Y Học Thực Hành (ISSN:1859-1663)			Số 8 (1076), trang 26-28	2018

	dưỡng viên tại Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên năm 2018							
8	Chất lượng cuộc sống của người bệnh ung thư điều trị bằng hoá chất tại Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên năm 2018	2		Y Học Thực Hành (ISSN:1859-1663)			Số 8 (1076), trang 7-9	2018
9	Death Acceptance in Vietnamese Cancer Patients: A phenomenology	3	x	Journal of Transcultural Nursing (ISSN: 1552-7832)	ISI (Q2) IF: 1,86		Tập 29, số 6, Trang 563-569 Link đến bài báo	2018
10	Factors related to post-operative symptoms after among patients undergoing abdominal surgery	1	x	Y Dược học quân sự (ISSN: 1859-0748)			Số 3, trang 128-131	2018
11	Validation of the Thai Version of the Functional Assessment of Cancer Therapy - General (FACT-G) for Persons with Terminal Cancer	3		Journal of Pain and Symptom Management (ISSN: 1873-6513)	ISI (Q1) IF: 5,397		Tập 56, số 6, trang e137-e138 Link đến bài báo	2018

12	Development and Psychometric Testing of the Buddhist Death Acceptance Scale	8		Pacific Rim International Journal of Nursing Research (ISSN: 2586-8373)	ISI (Q3) IF: N/A		Tập 24, số 4, trang 527-533 Link đến bài báo	2020
13	The Adaptation of the Buddhist Death Acceptance Scale for Vietnamese Persons with Cancer	2	x	Asian Nursing Research (ISSN: 1976-1317)	ISI (Q1) IF: 2,61		Tập 15, số 2, trang 144-149 Link đến bài báo	2021
14	Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân ung thư đại trực tràng tại Bệnh viện Thanh Nhàn và Bệnh viện Vinmec Times City	3		Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 505, số 2, trang 262-267	2021
15	Symptom clusters: Revisiting the concept in nursing care for cancer patients	2	x	Nursing Forum (ISSN: 1744-6198)	ISI (Q1) IF: 1,72		Tập 57, số 3, trang 469 - 472 Link đến bài báo	2022
16	Describing Death Acceptance Among Thai Buddhists with Cancer	8		Journal of Transcultural Nursing (ISSN: 1552-7832)	ISI (Q2) IF: 1,86		Tập 33, số 4, trang 461-560 Link đến bài báo	2022

17	Quan điểm về tự tử của sinh viên ngành Điều dưỡng Trường đại học Y Dược Thái Nguyên	2	x	Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 524, số 1, trang 147-151	2023
18	Mức độ lo lắng về cái chết của sinh viên Điều dưỡng chính quy trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	2	x	Y học Cộng đồng (ISSN 2354-0613)			Tập 64, số 3, trang 162-167	2023
Hướng nghiên cứu 2: Hành vi dự phòng và nâng cao sức khỏe								
19	Kiến thức thực hành đặt thông tiểu ngắt quãng của người chăm sóc bệnh nhân tổn thương tủy sống tại Trung tâm phục hồi chức năng bệnh viện Bạch Mai	3		Y Học Thực Hành (ISSN:1859-1663)			Số 6 (1013), trang 135-137	2016
20	Kiến thức về thuốc kháng sinh của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại phường Sài Đồng, quận Long Biên, Hà Nội năm 2016 và một số yếu tố liên quan	3	x	Y Học Thực Hành (ISSN:1859-1663)			Số 5 (1043), trang 46-48	2017
21	Rối loạn trầm cảm sau sinh ở bà mẹ có con điều trị nội trú	3		Điều dưỡng Việt Nam (ISSN: 2354-0737)			Số 22, trang 24-31	2018

	tại bệnh viện Saint Paul						
22	Đánh giá kiến thức về bệnh tan máu bẩm sinh trên thanh niên chưa kết hôn tại tỉnh Yên Bái năm 2017	2	x	Y Dược Lâm Sàng 108 (ISSN: 1859-2872)		Tập 11, số 4, trang 106-111	2019
23	Thái độ thực hành về tầm soát ung thư cổ tử cung của người bệnh dưới 40 tuổi đến khám tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	4		Ung thư học Việt Nam (ISSN: 1859-400X)		Số 3, trang 383-388	2020
24	Kiến thức về sử dụng kem chống nắng trong phòng chống ung thư da của người bệnh đến khám tại khoa khám bệnh bệnh viện Da Liễu TW năm 2019	3		Khoa học Điều dưỡng (P-2615-9589)		Tập 3, số 1, trang 29-35	2020
25	Thay đổi kiến thức và thái độ cho bà mẹ có con dưới 5 tuổi mắc nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính đang điều trị tại bệnh viện sản nhi tỉnh Yên Bái năm 2020	4		Khoa học Điều dưỡng (P-2615-9589)		Tập 3, số 3, trang 58-64	2020

Hướng nghiên cứu 3: Tính chuyên nghiệp và Cải thiện chất lượng dịch vụ Điều dưỡng								
26	Khả năng ra quyết định trước các tình huống đạo đức khó xử của sinh viên điều dưỡng đại học	2	x	Y học Lâm Sàng (Bệnh viện Bạch Mai- ISSN:1859-3593)			Số 91, trang 67-74	2016
27	Mức độ tư duy đạo đức nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng hệ vừa làm vừa học	1	x	Y Dược Lâm Sàng 108 (ISSN: 1859-2872)			Tập 11, số 8, Trang 33-37	2016
28	Mức độ tư duy đạo đức của sinh viên điều dưỡng chính quy và một số yếu tố liên quan	2	x	Y Học Thực Hành (ISSN:1859-1663)			Số 2 (1033), trang 33-35	2017
29	Kiến thức và thực hành tiêm an toàn của điều dưỡng viên bệnh viện Da Liễu trung ương năm 2012	3	x	Y học Thực Hành (ISSN:1859-1663)			Số 2 (1034), trang 82-84	2017
30	Tình hình thương tích do vật sắc nhọn trong quá trình tiêm của điều dưỡng viên tại bệnh viện Da Liễu trung ương năm 2012	2	x	Y Học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 452, số chuyên đề tháng 3, trang 193-198	2017

31	Hiệu quả áp dụng tổng đài chăm sóc khách hàng đến thời gian chờ khám bệnh tại bệnh viện Da liễu trung ương	3		Y Học Thực Hành (ISSN:1859-1663)		Số 8 (1076), trang 145-148	2020
32	Kết quả áp dụng gói phòng ngừa và chăm sóc chấn thương áp lực theo khuyến cáo của NPIAP cho người bệnh tại khoa Hồi sức tích cực – Chống độc, bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	3		Điều dưỡng Việt Nam (ISSN: 2354-0737)		Số 33, trang 3-10	2020
33	Mức độ lo lắng về bạo hành tại nơi làm việc của học viên Điều dưỡng trường Đại học Y Dược Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan	1	x	Y học Lâm Sàng (Bệnh viện Bạch Mai- ISSN:1859-3593)		Số 125, trang 75-81	2021
34	Phong cách học yêu thích của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	2	x	Tạp chí Y dược Huế (ISSN: 1859-3836)		Số 2, tập 11, trang 27-31	2021
35	Một số yếu tố liên quan đến năng lực thấu cảm của điều	1	x	Y dược học lâm sàng 108		Tập 16, số 4/2021 trang 153-158	2021

	dưỡng viên năm 2021			(ISSN: 1859-2872)				
36	Mối liên quan giữa kết quả học tập và phong cách học yêu thích của sinh viên điều dưỡng	2	x	Y dược TP HCM (1859-1779)			Tập 15, số 5, trang 439-444	2021
37	Xác định nhu cầu đào tạo về kỹ năng giao tiếp của điều dưỡng viên và các yếu tố liên quan tại một số bệnh viện khu vực phía Bắc	1	x	Y dược học Quân sự (1859-0748)			Số 6/2021, trang 5-11	2021
38	Mức độ thấu cảm của Điều dưỡng viên tại một số bệnh viện khu vực phía bắc năm 2021	1	x	Y dược học cần thơ (2354-1210)			Số 38/2021, trang 185-191	2021
39	Một số yếu tố liên quan đến mức độ tự tin trong giao tiếp của Điều dưỡng viên tại một số bệnh viện tỉnh Thái Nguyên và Cao Bằng năm 2021	1	x	Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 508, số 1 tháng 11, trang 208-212	2021
40	Khả năng giao tiếp với đồng nghiệp và người bệnh của điều dưỡng viên tại một số bệnh viện	1	x	Y học Lâm Sàng (Bệnh viện Bạch Mai-			Số 123, trang 39-45	2021

	khu vực Miền núi phía Bắc			ISSN:1859-3593)				
41	Tình trạng bạo hành tại nơi làm việc: khảo sát trên học viên điều dưỡng hệ liên thông vừa làm vừa học tại trường Đại học Y Dược Thái Nguyên năm 2021	1	x	Y tế Công cộng (ISSN: 1859-1132)			Số 57, trang 6-13	2021
42	Public Reactions in Online Newspapers to Workplace Violence Against Nurses	4	x	Sage Open Nursing (ISSN: 2377-9608)	ISI (Q3) IF: NA		Tập 7, trang 1-7 Link đến bài báo	2021
43	Tác động của bạo hành tại nơi làm việc đối với học viên Điều dưỡng tại trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	2	x	Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 508, số 1 tháng 11, trang 143-146	2021
44	Mức độ kiệt sức nghề nghiệp của nhân viên khối điều dưỡng tại một số bệnh viện ngoài công lập khu vực phía Bắc	2	x	Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Số 1, tháng 4, trang 200-203	2022
45	Nhận thức của Điều dưỡng Viên về thực trạng quản lý bạo	1	x	Y học Việt Nam			Tập 510, Số 2, tháng 1,	2022

	hành tại nơi làm việc			(ISSN: 1859-1868)			trang 198-201	
46	Tỷ lệ viêm tĩnh mạch ngoại vi sau khi áp dụng gói chăm sóc đường truyền tại bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City	4		Điều dưỡng Việt Nam (ISSN: 2354-0737)			Số 37, trang 87-93	2022
47	Khảo sát quan điểm đối với bạo hành tại nơi làm việc của điều dưỡng viên năm 2021	1	x	Y học cộng đồng (ISSN: 2354-0613)			Tập 63, số 2, trang 127-132	2022
48	Đánh giá mức độ sẵn lòng báo cáo sai sót chuyên môn của Điều dưỡng viên bệnh viện Da Liễu trung ương năm 2021	2	x	Y dược học quân sự (ISSN: 1859-0748)			Số 47, tập 1, trang 22-28	2022
49	Self-evaluation of Conflict Management Skills: A Cross-sectional Study among Vietnamese Nurses in 2021	2	x	Iranian Journal of Nursing and Midwifery	ISI (Q2) (IF:1,38)		Số 27, tập 5, trang 461-465 Link đến bài báo	2022
50	Đánh giá của người bệnh về giao tiếp của nhân viên y tế: khảo sát tại khoa khám bệnh, bệnh	2	x	Y học cộng đồng (ISSN: 2354-0613)			Số 63, tập 3, trang 113-119	2022

	viện Trung ương Thái Nguyên năm 2022							
51	Khảo sát chất lượng bộ công cụ CAT dùng để đánh giá kỹ năng giao tiếp của nhân viên y tế	1	x	Y học Việt Nam (ISSN: 1859- 1868)			Số 2, tháng 2, trang 77- 81	2022
52	A Survey of Conflicts at Work and Their Impact on Nurse	2	x	Y dược học quân sự (ISSN: 1859- 0748)			Số 47, tập 3, trang 184- 192	2022
53	Mức độ hài lòng với cuộc sống và một số yếu tố liên quan của sinh viên Điều dưỡng Trường đại học Y Dược Thái Nguyên	2	x	Y học Việt Nam (ISSN: 1859- 1868)			Tập 524, số 1, trang 62 - 66	2023

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 7 bài, các bào báo số 1, 3, 9, 13, 15, 42, 49.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						

1						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS					
1						

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình Cử nhân Điều dưỡng đại học hệ chính quy	Chủ trì	Quyết định số 25/QĐ-VUNI, ngày 02/1/2020	Trường đại học VinUni	Quyết định số 29/QĐ-VUNI, ngày 08/1/2020	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 9 tháng 5 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Hoàng Long